

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 574/2021/DS-PT

Ngày: 05/11/2021

V/v Tranh chấp thừa kế và
chia di sản chung là quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán:

1. Ông Trịnh Đắc Phú

2. Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp thừa kế và chia di sản chung là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3404/2021/QĐ-PT ngày 05/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8199/2021/QSS-PT ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thúy H**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1003/1B đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H.T, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền lập ngày 27/4/2017) (có mặt)

Địa chỉ: Số A14/8 đường Đường D, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị L', sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 628/89/6 đường C', Phường D', Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 234 đường E', Phường B, Quận F', Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L', sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 628/89/6 đường C', Phường D', Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 15/6/2017).

3. Ông Trần Vũ H', sinh năm 1943

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vũ G, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Số 23/1 tổ 9, khu phố 9, thị trấn G', huyện G', tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền lập ngày 16/6/2017) (có mặt)

4. Bà Trần Thị B.H, sinh năm 1958

5. Bà Trần Kim K, sinh năm 1985

Người đại diện theo ủy quyền của bà B.H và bà K: Ông Trần Văn L, sinh năm 1956 (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Trần Đức K', sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Văn M, sinh năm 1930 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C2/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N), sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 83/31 đường N, Phường X, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thúy H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N).

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện F kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 27/5/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/04/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.T trình bày:

Bà H là con của ông Trần Văn P (sinh năm 1925 - chết năm 2002) và bà Bùi Thị P' (sinh năm 1924 - chết năm 2009). Cha mẹ bà H có 06 người con là: Trần Vũ H', Trần Văn Y (sinh năm 1954 - chết năm 2008 - không có vợ con), Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L' và Trần Thúy H. Ngoài ra, cha mẹ bà H không có người con riêng nào khác.

Trong thời gian chung sống, vào năm 1967 cha mẹ bà H có tạo lập được phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh và sau giải phóng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng vào năm 1981. Đến ngày 19/4/1995 thì được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn P đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, cha mẹ bà H có cất 01 căn nhà trên đất để ở và được cấp số nhà C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng nhà này chưa được công nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Cha mẹ bà H chết không để lại di chúc nên bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P và bà P' theo quy định pháp luật. Theo kết quả đo vẽ gần

nhất thì phần đất tranh chấp hiện nay có tổng diện tích còn lại là 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F (diện tích nhỏ hơn giấy chứng nhận là do biến động mở đường và một phần đất nằm tại thửa 677 không yêu cầu chia).

Nay bà đại diện cho bà H yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 người gồm Trần Thúy H, Trần Văn T, Trần Vũ H', Trần Thị L' thành 05 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 248,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'. Bà H không yêu cầu chia căn nhà C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L thì bà không đồng ý vì đất này của cha mẹ bà H nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T, ông Trần Vũ H', bà Trần Thị L' thì bà đồng ý vì cùng ý kiến với bà H.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) thì bà không có ý kiến và yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Tại đơn phản tố ngày 15/06/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ông là con của ông Trần Văn P (sinh năm 1925 - chết năm 2002) và bà Bùi Thị P' (sinh năm 1924 – chết năm 2009). Cha mẹ ông có 09 người con là: Trần Vũ H', Trần Văn Y (sinh năm 1954 – chết năm 2008 – không có vợ con), Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L' và Trần Thúy H, Trần Thị Y' (chết lúc nhỏ 03 tuổi), Trần Thị Lược (chết lúc nhỏ 03 tuổi), Trần Văn Toàn (chết lúc nhỏ 01 tuổi). Ngoài ra, cha mẹ ông không có người con riêng nào khác.

Khi chung sống cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản là nhà tại địa chỉ 628/89/6 C', Phường D', Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất ruộng 7.500m² tại xã B', huyện F và phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông P xây dựng nhà trên đất thổ vườn để ở được cấp sổ nhà là C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1995 thì Ủy ban nhân dân huyện F cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho hộ gia đình ông Trần Văn P. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên hộ gia đình ông P 08 thành viên gồm: Trần Văn P, Bùi Thị P', Trần Văn Y, Trần Văn L, bà Trần Thị B.H, Trần Đức K', bà Trần Kim K và Phạm Thị K.N. Tuy nhiên, theo đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 07/8/1994 thì cha ông là ông P khai số nhân khẩu trong hộ là 07 người, trong đó Phạm Thị K.N, sinh năm 1988 là con của bà Trần Thúy H nhưng sau đó bà H đã tách khẩu chuyển đi nhưng không cắt khẩu mà vẫn để tên trong hộ khẩu, hiện nay đã có tên khác không còn là Phạm Thị K.N mà là Phạm Thị Anh M'.

Khi còn sống, ông P, bà P' có cho bà L' và ông T căn nhà 628/89/6 C', Phường D', Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và cho ông phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có văn bản vì ông ở chung với cha mẹ.

Đối với “Tờ chia cho tài sản nhà đất” do bà Bùi Thị P' lập ngày 02/3/2006 thì ông thừa nhận chữ ký của ông trên tờ giấy này nhưng tại thời điểm đó ông đang bị tâm thần, không làm chủ được hành vi và nhận thức của mình và bà P' lúc này sức khỏe cũng yếu nên không còn minh mẫn nên ông không thừa nhận tính hợp pháp của tờ phân chia nêu trên.

Nay bà H, bà L', ông H', ông T yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Trần Văn P, bà Bùi Thị P' đối với phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông không đồng ý và có yêu cầu phản tố như sau:

Phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh, ông xác định lại là diện tích chỉ còn 1.242,5m² cấp cho hộ ông P, mà hộ ông P có 07 thành viên nên ông P và bà P' mỗi người chỉ được quyền sử dụng đất phần đất 1/7 trên diện tích phần đất thổ vườn diện tích 1.242,5m². Đồng ý chia phần di sản thừa kế của ông P, bà P' theo quy định của pháp luật. Phần diện tích còn lại thì thuộc quyền sử dụng đất của các thành viên còn lại trong hộ gia đình. Ông thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'.

Ông có yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho hộ gia đình ông Trần Văn P.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Anh M' thì ông không đồng ý vì bà K.N không là thành viên trong hộ gia đình.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 08/06/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L' trình bày:

Bà L' thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thúy H về quan hệ gia đình và nguồn gốc quyền sử dụng đất và nhà tranh chấp.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F cho 05 người gồm Trần Thúy H, Trần Văn T, Trần Vũ H', Trần Thị L' thành 05 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 248,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B' huyện F. Bà thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'. Bà L' không yêu cầu chia căn nhà C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L thì bà không đồng ý vì đất này của cha mẹ bà nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T, ông Trần Vũ H' thì bà đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) thì bà không có ý kiến và yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/06/2017, bản tự khai ngày 16/8/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Vũ H' có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Vũ G trình bày:

Ông G thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thúy H về quan hệ gia đình và nguồn gốc quyền sử dụng đất và nhà tranh chấp.

Nay ông đại diện theo ủy quyền của ông Trần Vũ H' yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F cho 05 người gồm Trần Thúy H, Trần Văn T, Trần Vũ H', Trần Thị L' thành 05 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 248,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F. Ông thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'. Ông H' không yêu cầu chia căn nhà C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L thì ông không đồng ý vì đất này của cha mẹ ông H' nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T, bà Trần Thị L' thì ông đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Anh M' thì ông không có ý kiến và yêu cầu Tòa án chia theo quy định pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 15/06/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị L' trình bày:

Bà L' thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thúy H về quan hệ gia đình và nguồn gốc quyền sử dụng đất và nhà tranh chấp.

Nay bà đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F cho 05 người gồm Trần Thúy H, Trần Văn T, Trần Vũ H', Trần Thị L' thành 05 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 248,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F. Bà thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'. Ông T không yêu cầu chia căn nhà C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L thì bà không đồng ý vì đất này của cha mẹ bà nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà L' và yêu cầu độc lập của ông Trần Vũ H' thì bà đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) thì bà không có ý kiến và yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20/06/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức K' trình bày:

Ông là con ruột của ông Trần Văn L và là một thành viên của hộ ông Trần Văn P. Việc yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T đối với di sản của ông bà nội Trần Văn P, Bùi Thị P' là phần đất thổ vườn diện tích 1.378m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, ông không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí. Ông thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019 và xác nhận Phạm Thị Anh M' và Phạm Thị K.N là một người như lời trình bày của bà M'.

Ông đồng ý là diện tích thực tế còn 1.242,5m² và ông có ý kiến giống như cha ông là ông Trần Văn L

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B.H có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn L trình bày:

Bà B.H là vợ của ông Trần Văn L, bà B.H có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Trần Văn L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim K có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn L trình bày:

Bà K là con ruột của ông Trần Văn L, bà K có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Trần Văn L.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/03/2021, bản tự khai ngày 11/01/2021 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) trình bày:

Vào năm 1988, mẹ bà là Trần Thúy H sinh ra và dưỡng sinh ở nhà ngoại là bà Bùi Thị P' tại C1/27 ấp 3, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc bấy giờ hộ khẩu của mẹ bà còn ở nhà ngoại và làm khai sinh cho bà ở xã B' vào ngày 15/10/1988 với tên là Phạm Thị K.N, sinh ngày 11/06/1988. Sau ba tháng dưỡng sinh thì bà được chuyển về nhà nội của bà ở địa chỉ đường Phạm Đình Hổ, Phường 6, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông nội bà không đồng ý tên Phạm Thị K.N nên đi làm giấy khai sinh cho bà là Phạm Thị Anh M' tại Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/8/1990. Từ đó đến nay bà sử dụng tên Phạm Thị Anh M', tên Phạm Thị K.N từ đó đến nay không sử dụng, mẹ bà đã đến Công An huyện F cắt tên Phạm Thị K.N khỏi hộ khẩu của nhà ngoại vào năm 2020. Nay bà cam kết tên Phạm Thị K.N và Phạm Thị Anh M' là một.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H về việc chia thừa kế của ông Trần Văn P và bà Bùi Thị P' phần đất có diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F thì bà có ý kiến như sau: phần đất này được cấp

giấy lúc đó bà cũng là một thành viên trong hộ gia đình nên bà yêu cầu được chia 1/8 khối tài sản nói trên là 155m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F. Bà thống nhất với biên bản định giá ngày 10/10/2019.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/05/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M trình bày:

Gia đình ông có sử dụng phần đất diện tích 1.260m², thuộc thửa 717 tờ bản đồ số 66 xã B', huyện F (tài liệu BĐĐC) tương ứng với một phần thửa 677 tờ bản đồ số 11 (tài liệu 02/CT-UB). Phần đất của ông giáp ranh với thửa 678 tờ bản đồ số 11 của hộ gia đình ông Trần Văn L. Ranh giới hiện hữu giữa phần đất của ông với gia đình ông L là hàng rào (chân móng xây gạch, trên là lưới B40). Theo bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 02/10/2018 của Trung tâm đo đạc bản đồ thể hiện phần đất của hộ ông L đang quản lý sử dụng có lấn sang phần đất của ông diện tích 82,5m² (thuộc thửa 677). Phần đất của ông và hộ gia đình ông L được xác định bằng ranh giới hiện hữu, ông được quyền sử dụng phần đất từ hàng rào trở qua đất của ông, hộ ông L được quyền sử dụng đất từ hàng rào (hiện hữu) trở qua đất của ông L trong đó có một phần thuộc thửa 677 trước đây đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Đối với phần đất diện tích 82,5 m² thuộc một phần thửa 667 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, vị trí tại bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 02/10/2018 của Trung tâm đo đạc bản đồ thì ông xác nhận hộ ông L đang quản lý sử dụng, ông không tranh chấp gì.

Ông không có tranh chấp gì trong vụ án chia thừa kế của hộ gia đình ông L nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông vào tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện F quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T về việc chia thừa kế tài sản là phần đất diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc các thành viên trong hộ gia đình bao gồm ông Trần Văn L, bà Trần Thị B.H, ông Trần Đức K', bà Trần Kim K có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T mỗi người số tiền 192.152.928 đồng (một trăm chín mươi hai triệu một trăm năm mươi hai ngàn chín trăm hai mươi tám đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L về việc xác định tài sản chung của hộ gia đình ông Trần Văn P gồm: Bùi Thị P', Trần Văn P, Trần Văn Y, Trần Văn L, Trần Thị B.H, Trần Đức K', Trần Kim K là phần đất diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) về việc yêu cầu được chia 1/8 tài sản chung là phần đất có diện tích 155m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) có đơn kháng cáo đối với Bản án số 215/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện F.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021. Viện Kiểm sát nhân dân huyện F có Quyết định kháng nghị kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS đối với Bản án số 215/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thúy H có bà Nguyễn Thị H.T đại diện theo ủy quyền giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu chia thừa kế của ông Trần Văn P và bà Bùi Thị P' là quyền sử dụng đất 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho 5 thành viên trong hộ gồm các ông bà Trần Thúy H, Trần Văn T, Trần Vũ H', Trần Văn L, Trần Thị L' và yêu cầu được nhận bằng quyền sử dụng đất. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L', ông Trần Văn T có bà Trần Thị L' đại diện theo ủy quyền, ông Trần Vũ H' có ông Trần Vũ G đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Thống nhất với trình bày của bà H.T là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thúy H. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) rút yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thúy Loan và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L', ông Trần Văn T có bà Trần Thị L' đại diện theo ủy quyền, ông Trần Vũ H' có ông Trần Vũ G đại diện theo ủy quyền. Đình chỉ yêu cầu và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N). Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về hình thức và tổ tụng:

[1.1] Về hình thức: Ngày 20 tháng 5 năm 2021, bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) có Đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[1.2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thúy H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc di sản thừa kế: Phần đất các đương sự yêu cầu chia thừa kế là phần đất tương ứng các vị trí (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (9) + (10) = 1.242,5m² thuộc một phần thửa 678 (678-1) tờ bản đồ số 11 (tài liệu 02/CT-UB), thuộc một phần thửa 74 tờ bản đồ số 66 (tài liệu Bản đồ địa chính năm 2005) xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 02/10/2018.

Theo lời trình bày của các đương sự thì phần đất trên có nguồn gốc do ông P và bà P' tạo lập từ năm 1966, tại đơn xin đăng ký ruộng đất do ông Trần Văn P lập được Ủy ban nhân dân xã B' xác nhận ngày 14/10/1994 thì đất có nguồn gốc gốc Trần Văn Tắc tự có trước đó; ông Tắc là cha của ông P, là ông nội của các đương sự trong vụ án. Như vậy, nguồn gốc đất các đương sự tranh chấp là của ông bà để lại.

Năm 1995 hộ ông Trần Văn P được cấp năm 1995, thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ ông P gồm có các thành viên: Trần Văn P, Bùi Thị P', Trần Văn Y, Trần Văn L, Trần Thị B.H, Trần Đức K' (sinh năm 1980), Trần Kim K (sinh năm 1985) và Trần Thị Kim Ngân (sinh năm 1988).

Theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 19/4/1995 của UBND huyện F về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 83 hộ, trong đó có hộ ông Trần Văn P; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 153QSĐĐ/B' ngày 19/4/1995 do UBND huyện F cấp theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 19/4/1995 cấp cho hộ ông Trần Văn P 1.387m² thuộc thửa số 678 tờ bản đồ số 11, xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đo vẽ hiện trạng diện tích còn 1.242,5m², đã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, diện tích đất đang tranh chấp là đất được cấp cho hộ gia đình. Toà án sơ thẩm xác định diện tích đất trên là của hộ gia đình là có cơ sở.

[2.2] Về xác định thành viên hộ gia đình được cấp đất tại thời điểm cấp: căn cứ quy định tại điều 7 Nghị định 64-CP ngày 27/09/1993 của Chính phủ quy định về việc cấp đất cho Hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất, như sau:

“Những đối tượng sau đây, nếu họ có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ vào quỹ đất của địa phương, xét và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất:

1. Những người sống chính bằng nông nghiệp cư trú tại địa phương nhưng chưa có hộ khẩu thường trú mà được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận;

2. Xã viên hợp tác xã nông nghiệp trước đây đã chuyển sang làm ở hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp hoặc các hợp tác xã thuộc lĩnh vực khác nay không có việc làm, trở lại làm nông nghiệp;

3. Con của cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước sống tại địa phương đến tuổi lao động nhưng chưa có việc làm”.

Như vậy, nhà nước chỉ cấp đất sản xuất nông nghiệp cho những người đủ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên, nên để xác định thành viên hộ gia đình được cấp đất cũng phải xem xét độ tuổi tại thời điểm cấp đất.

Căn cứ vào sổ hộ khẩu thường trú và những người đang cư trú thực tế tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông P có 07 người gồm: Ông Trần Văn P, bà Bùi Thị P', Trần Văn Y, Trần Văn L, Trần Thị B.H, Trần Đức K', Trần Kim K. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình năm 1995 thì bà K sinh năm 1985 chưa đủ tuổi lao động, nên bà K không phải là thành viên hộ gia đình được cấp đất. Do đó, hộ gia đình ông Trần Văn P chỉ có 06 người đủ tuổi lao động mới là thành viên hộ gia đình và diện tích đất trên được chia cho 06 thành viên hộ gia đình không phải chia cho 07 thành viên như án sơ thẩm đã xác định chia.

Như vậy, quyền sử dụng đất của hộ ông P được chia cho 6 thành viên gồm ông, bà: Bùi Thị P', Trần Văn P, Trần Văn Y, Trần Văn L, Trần Thị B.H, Trần Đức K' (sinh năm 1980) là $1.242,5\text{m} : 6 = 207\text{m}^2$; phần mỗi người được hưởng là 207m^2 .

[2.3] Về chia thừa kế: Ông Trần Văn P chết năm 2002, ông P có vợ là bà P' và 06 người con Trần Vũ H', Trần Văn Y (chết năm 2008, không có vợ con), Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L' và Trần Thúy H, trước khi chết ông P không để lại di chúc; phần di sản là quyền sử dụng đất của ông P được chia cho 7 người: mỗi người được hưởng là $29,5\text{m}^2$.

Ông Trần Văn Y (chết năm 2008), ông T không có vợ con; Bà P' là người thừa kế duy nhất của ông T, phần quyền sử dụng đất ông T được hưởng là 207m^2 , cùng với $29,5\text{m}^2$ ông T được thừa kế của ông P. Bà P' được hưởng di sản từ ông T để lại là $236,5\text{m}^2$

Bà P' chết năm 2009, thời điểm bà P' chết hàng thừa kế thứ nhất của bà P' gồm 5 người Trần Vũ H', Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L' và Trần Thúy H, di sản bà P' để lại là 207m^2 phần của bà P' trong hộ + $29,5\text{m}^2$ phần bà P' được hưởng thừa kế của ông P + $236,5\text{m}^2$ phần di sản bà P' hưởng thừa kế của ông T. Tổng di sản của bà P' để lại là $473\text{m}^2 : 5 = 94,5\text{m}^2$, mỗi thừa kế của bà P' được hưởng là $94,5\text{m}^2$.

Do vậy, phần mỗi thừa kế của ông P, bà P' là ông Trần Vũ H', Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L' và Trần Thúy H được hưởng là 124,1 m².

Án sơ thẩm tính ra số tiền mỗi thừa kế được hưởng và buộc ông L, bà B.H, ông K' phải giao cho các thừa kế còn lại là chưa đúng gây thiệt hại cho quyền lợi của những thừa kế này.

Theo điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về điều kiện tách thửa thì: *“Trường hợp thửa đất thuộc khu vực quy hoạch, để sản xuất nông nghiệp: được phép tách thửa, thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại phải đảm bảo diện tích tối thiểu là 500m² đối với đất trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp khác và 1.000m² đối với đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối”*. Như vậy, phần diện tích 66m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng là TV không đủ diện tích tách thửa theo Quyết định này. Do phần đất tranh chấp hiện nay ông L, bà B.H, ông K' đang quản lý sử dụng nên tiếp tục giao cho hộ ông Trần Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng. Vì ông K', bà B.H không yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Theo lời trình bày của ông L, bà B.H, ông K' thì phần đất tranh chấp hiện nay hộ ông L đang quản lý sử dụng nên tiếp tục giao cho hộ ông Trần Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông L, bà B.H, ông K' là những người đang ở ổn định trên đất, nên giao đất cho ông L, bà B.H, ông K' tiếp tục quản lý sử dụng. Ông L, bà B.H, ông K' có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các ông bà Trần Vũ H'; Trần Văn L; Trần Văn T; Trần Thị L' và Trần Thúy H mỗi người phần giá trị quyền sử dụng đất tương đương 124,1m² đất thuộc một phần thửa 678 (678-1) tờ bản đồ số 11 (tài liệu 02/CT-UB), thuộc một phần thửa 74 tờ bản đồ số 66 (tài liệu Bản đồ địa chính năm 2005) xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị K.N (Phạm Thị Anh M') có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc rút đơn yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K.N (Phạm Thị Anh M') là hoàn toàn tự nguyện và các đương sự trong vụ án không có ý kiến gì đối với việc rút Đơn yêu cầu độc lập của bà K.N (Đào) nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K.N (Phạm Thị Anh M').

[4] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện F, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Văn Y (chết năm 2008), ông T không có vợ con nên bà P' là người thừa kế duy nhất của ông T, phần quyền sử dụng đất ông T được hưởng là 207m², cùng với 29,5m² ông T được thừa kế của ông P. Bà P' được hưởng di sản từ ông T để lại là 236,5m², cấp sơ thẩm không xem xét nội dung này là thiếu sót nên cần phải sửa án sơ thẩm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L, bà Trần Thị L', ông Trần Văn T, ông Trần Vũ H', bà Trần Thị B.H được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên không ai phải chịu.

[5.3] Về chi phí tổng tụng: Chi phí định giá các đương sự tự nguyện chịu và đã thi hành xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị K.N (Phạm Thị Anh M').

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F.

Sửa án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T về việc chia thừa kế tài sản là phần đất diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T mỗi người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn P và bà Bùi Thị P' là 124,1m²

Buộc hộ ông Trần Văn L có bà Trần Thị B.H, ông Trần Văn L và ông Trần Văn Luận liên đới thanh toán cho bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T mỗi người giá trị tương đương 124,1m² đất thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thúy H, bà Trần Thị L', ông Trần Vũ H', ông Trần Văn T phần giá trị mỗi người tương đương 124,1m² đất thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Văn L đại diện hộ gia đình được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L về việc xác định tài sản chung của hộ gia đình ông Trần Văn P gồm các ông bà: Bùi Thị P',

Trần Văn P, Trần Văn Y, Trần Văn L, Trần Thị B.H, Trần Đức K' là phần đất diện tích 1.242,5m² thuộc thửa 678 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B', huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N).

4. Ghi nhận việc các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản trên đất.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Trần Thúy H phải chịu 18.065.287 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 2.317.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0033216 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F. Bà Trần Thúy H phải nộp thêm 15.748.287 đồng.

Ông Trần Văn L, bà Trần Thị L', ông Trần Văn T, ông Trần Vũ H' được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AA/2016/0022190 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L' số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.500 đồng theo Biên lai số AA/2016/0022065 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F.

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.500 đồng theo Biên lai số AA/2016/0022164 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F.

Hoàn trả cho ông Trần Vũ H' số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.500 đồng theo Biên lai số AA/2016/0022169 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F.

Bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M' (Ngân) đã nộp 762.800 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0081136 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F. Bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) được nhận lại số tiền 462.800 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thúy H số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081536 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081535 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Anh M' (Phạm Thị K.N) số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081534 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F - Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí định giá các đương sự tự nguyện chịu và đã thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND huyện F;
- Chi cục THADS huyện F;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (T/24).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Quy